

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 191/2018/DSST

Ngày : 15/8/2018

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuân Hương

Các hội thẩm nhân dân :

1. Bà Đoàn Thị Thùy Châu – Cán bộ hưu trí phường Nguyễn Văn Cừ.
2. Bà Trần Thị Bích Hợp – Cán bộ hưu trí phường Lê Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Trúc Phương - Thư ký tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/TLST-DS ngày 22/3/2018 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 82/2018/QĐXX-ST ngày 16/7/2018 giữa các đương sự :

*** Nguyên đơn :** Anh Nguyễn B, sinh năm: 1975

Chị Trần Thị Thu H, sinh năm: 1975

(đại diện theo ủy quyền của chị Trần Thị Thu H có anh Nguyễn B – theo văn bản ủy quyền số 542 ngày 13/6/2018).

Cùng địa chỉ : Tổ 20B, KV2, phường Q, thành phố Quy Nhơn.

*** Bị đơn :** Anh Nguyễn Văn S, sinh năm: 1981

Chị Lê Thị Hồng Q, sinh năm: 1980

Cùng địa chỉ : 19 Đ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

(Anh B có mặt, anh S, chị Q vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/3/2018 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Nguyễn B, chị Trần Thị Thu H trình bày:

Giữa vợ chồng anh chị và vợ chồng anh Nguyễn Văn S, vợ là Lê Thị Hồng Q là chỗ anh em bà con với nhau, ngày 09/11/2017 vợ chồng anh chị có cho vợ chồng anh Nguyễn Văn Sang, vợ là Lê Thị Hồng Quý mượn số tiền 3.400.000.000đ (ba tỷ bốn trăm triệu đồng), mục đích vợ chồng anh Sang – chị Quý mượn tiền để mua bán làm ăn. Khi mượn hai bên có thỏa thuận ngày trả như sau : Trước ngày 30/11/2017 vợ chồng Sang - Quý phải trả 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng), ngày 10/12/2017 trả 1.400.000.000đ (một tỷ bốn trăm triệu đồng). Nếu sau ngày cam kết trả nợ mà vợ chồng anh Sang - chị Quý chưa trả đủ số tiền thì sẽ được tính lãi suất 9%/năm. Khi mượn tiền có viết giấy nợ.

Đến nay vợ chồng anh S, chị Q chỉ trả được 1.404.000.000đ (một tỷ bốn trăm lẻ bốn triệu đồng), còn nợ vợ chồng anh chị 1.996.000.000đ (một tỷ chín trăm chín mươi sáu triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi.

Nay vợ chồng anh chị yêu cầu anh S, chị Q phải có trách nhiệm trả số tiền gốc còn lại là 1.996.000.000đ (một tỷ chín trăm chín mươi sáu triệu đồng) và yêu cầu trả lãi theo lãi suất hai bên đã thỏa thuận theo giấy nợ ngày 09/11/2017 là 9%/năm (0,75%/tháng). Thời gian tính tiền lãi từ ngày 11/12/2017 cho đến nay. Tất cả trả một lần.

** Tại đơn trình bày ngày 03/5/2018 và các lời khai tiếp theo, bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày :*

Anh hoàn toàn thống nhất lời trình bày của anh Nguyễn B. Giữa anh và anh B là anh em bà con họ với nhau. Vợ chồng anh cần vốn để mua bán làm ăn nên ngày 09/11/2017 vợ chồng anh có mượn của vợ chồng Nguyễn B và chị Trần Thị Thu H số tiền 3.400.000.000đ (ba tỷ bốn trăm triệu đồng), khi mượn có viết giấy nợ. Sau khi mượn tiền vợ chồng anh chị đã nhiều lần trả tiền gốc cho vợ chồng anh B, chị H. Tính đến nay, vợ chồng anh chị còn nợ tiền gốc của vợ chồng anh B, chị H là 1.996.000.000đ (một tỷ chín trăm chín mươi sáu triệu đồng).

Nay vợ chồng anh đang gặp khó khăn nên xin trả dần số tiền gốc trên làm hai lần, cụ thể như sau:

- Ngày 30/9/2018 trả 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) tiền gốc và tiền lãi theo lãi suất hai bên đã thỏa thuận như giấy mượn tiền ngày 09/11/2017.

- Ngày 30/12/2018 trả 996.000.000đ (chín trăm chín mươi sáu triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi theo lãi suất hai bên đã thỏa thuận như giấy mượn tiền ngày 09/11/2017.

Bị đơn chị Lê Thị Hồng Q, mặc dù Tòa đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng chị không đến Tòa làm việc và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiến cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

+ Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp.Quy Nhơn phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo qui định của pháp luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn anh Nguyễn B, chị Trần Thị Thu H đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật TTDS. Bị đơn anh Nguyễn Văn S, chị Lê Thị Hồng Q không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự được quy định tại các Điều 70 và 72 Bộ luật TTDS

+ Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:

- Về hướng giải quyết vụ án : Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 463, 478 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc anh Nguyễn Văn S và chị Lê Thị Hồng Q có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn B và chị Trần Thị Thu H số tiền gốc 1.996.000.000đ (một tỉ chín trăm chín mươi sáu triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 11/12/2017 cho đến nay. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UB TVQH14 ngày 30/12/2016, anh Nguyễn Văn S và chị Lê Thị Hồng Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh S, chị Q phải chịu án phí DSST theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn S và chị Lê Thị Hồng Q đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu của đương sự: Căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có đầy đủ cơ sở để xác định: Ngày 09/11/2017 vợ chồng anh B, chị H cho vợ chồng anh S, chị Q mượn số tiền 3.400.000.000đ, khi mượn có viết giấy nợ, không tính lãi. Các bên thỏa thuận ngày 30/11/2017 trả 2.000.000.000đ, trước ngày 10/12/2017 trả 1.400.000.000đ. Nếu quá thời hạn trên mà bên vay chưa trả đủ theo thỏa thuận thì tính tiền lãi chậm trả với lãi suất 9%/năm trên số tiền còn lại.

Hai bên thống nhất về số tiền vay, số tiền đã trả 1.404.000.000đ, số tiền còn nợ là 1.996.000.000đ. Vợ chồng anh B, chị H yêu cầu vợ chồng anh S, chị Q trả số tiền còn nợ và lãi chậm trả từ ngày 11/12/2017 với lãi suất 9%/năm cho đến nay. Trong quá trình làm việc chị Q không đến Tòa, anh S xin trả làm hai lần, cụ thể:

+ Ngày 30/9/2018 trả 1.000.000.000đ tiền gốc và tiền lãi.

+ Ngày 30/12/2018 trả 996.000.000đ tiền gốc và tiền lãi.

HĐXX xét thấy : Hợp đồng vay tài sản giữa vợ chồng anh B, chị H và vợ chồng anh S, chị Q là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi suất. Do đó, vợ chồng anh B, chị H yêu cầu vợ chồng anh S, chị Q trả số tiền gốc còn lại và tiền lãi 9%/năm (0,75%/tháng) là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận. Cách tính lãi cụ thể như sau :

- Từ ngày 11/12/2017 đến ngày 15/8/2018 là 8 tháng 04 ngày:

$1.996.000.000đ \times 0,75\% \times 8 \text{ tháng } 04 \text{ ngày} = 121.756.000đ.$

Như vậy, anh Nguyễn Văn S, vợ là chị Lê Thị Hồng Q phải có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn B, vợ là chị Trần Thị Thu H số tiền gốc và lãi là 2.117.756.000đ (1.996.000.000đ + 121.756.000đ).

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 18, 21 và 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội thì anh Nguyễn B, chị Trần Thị Thu H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.940.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006145 ngày 22/3/2018. Anh Nguyễn Văn S, chị Lê Thị Hồng Q phải chịu 74.355.120đ (Bảy mươi bốn triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn một trăm hai mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, 468, 470, 117 và Điều 119 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử :

1- Buộc anh Nguyễn Văn S vợ là chị Lê Thị Hồng Q có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn B, vợ là chị Trần Thị Thu H 2.117.756.000đ (Hai tỷ một trăm mười bảy triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của vợ chồng anh B, chị H cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng vợ chồng anh S, chị Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

2- Bác yêu cầu của anh Nguyễn Văn S, chị Lê Thị Hồng Q xin trả dần số tiền gốc 1.996.000.000đ.

3- Án phí Dân sự sơ thẩm : Anh Nguyễn Văn S và chị Lê Thị Hồng Q phải chịu 74.355.120đ (Bảy mươi bốn triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn một trăm hai mươi đồng).

Hoàn lại cho anh Nguyễn B và chị Trần Thị Thu H 23.940.000đ (Hai mươi ba triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0006145 ngày 22/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

Báo cho các bên đương sự biết thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-VKSND Tp. Quy Nhơn;
-TAND tỉnh Bình Định;
-Đương sự;
-Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đoàn Thị Xuân Hương

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH
2017**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Quy Nhơn, ngày 08 tháng 6 năm

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN -TỈNH BÌNH
ĐỊNH**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa* : Bà Đoàn Thị Xuân Hương
 - *Các hội thẩm nhân dân* : Bà Trần Thị Bích Hợp và bà Cao Thị Chính
- Căn cứ vào Điều 264 của Bộ luật tố tụng dân sự;*

Vào hồi giờ ngày 08 tháng 6 năm 2017, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên Toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, và những người tham gia tố tụng khác tại phiên Toà; Hội đồng xét xử thảo luận và biểu quyết 3/3 những vấn đề sau :

Áp dụng các Điều 305, 471, 474, 476 và Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005.

Tuyên xử :

1- Buộc anh Dương Văn Thuận có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Láng 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Láng có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Dương Văn Thuận không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu một khoản tiền lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2- Bác yêu cầu của anh Dương Văn Thuận không đồng ý trả cho chị Nguyễn Thị Láng số tiền 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*).

3- Án phí DSST : Anh Dương Văn Thuận phải chịu 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Láng 750.000đ (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 004066 ngày 28/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự TP.Quy Nhơn.

Chị Nguyễn Thị Láng được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Riêng anh Dương Văn Thuận có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản sao bản án tại UBND phường nơi anh đang cư trú.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Biên bản lập xong đã được các thành viên trong Hội đồng xét xử đọc lại và thông qua, cùng thống nhất ký tên dưới đây.

có tại hồ sơ vụ án, Tòa xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Nguyên đơn bà Mai Thị Ngọc Quý cho rằng do quen biết nên ngày 04/6/2013 bà có cho chị Cao Thị Minh Nguyệt vay số tiền 150.000.000đ, có viết giấy nợ và hai bên thỏa thuận miệng khi nào bà Quý cần thì báo trước cho chị Nguyệt một tháng thì chị Nguyệt sẽ trả tiền gốc cho bà. Đến tháng 6/2014 bà cần tiền và có đến đòi thì chị Nguyệt hẹn khi nào bán được nhà sẽ trả, nhưng khi chị Nguyệt bán được nhà vẫn không trả tiền gốc cho bà. Mặc dù khi vay tiền hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 3%/tháng, nhưng từ khi vay đến nay chị Nguyệt cũng không trả tiền lãi cho bà.

Do đó bà yêu cầu chị Cao Thị Minh Nguyệt phải có nghĩa vụ trả cho bà 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) tiền gốc và yêu cầu trả lãi theo lãi suất do Ngân hàng nhà nước quy định, tất cả trả một lần.

Bị đơn chị Cao Thị Minh Nguyệt cũng thống nhất là hiện nay còn nợ bà Mai Thị Ngọc Quý số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) theo giấy vay tiền ngày 04/6/2013 và hiện nay chị đang khó khăn nên xin trả dần bà Quý mỗi tháng từ 1.500.000đ đến 2.000.000đ, còn tiền lãi thì chị xin không trả.

HĐXX xét : Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/4/2015, chị Nguyệt cho rằng số tiền nợ 150.000.000đ theo giấy nợ ngày 04/6/2013 là do cách đây 10 năm chị có vay của bà Quý 750.000.000đ (bảy trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất phải trả hàng tháng đối với số tiền này là 33.750.000đ/tháng, số tiền gốc này chị đã trả cho bà Quý cách đây hai năm, riêng số tiền lãi thì chị còn nợ bà Quý một năm. Nhưng chị Nguyệt không có chứng cứ gì để chứng minh. Tòa đã nhiều lần tổng đạt các Quyết định đối chất và các thông báo phiên hòa giải hợp lệ cho chị Nguyệt

để chị Nguyệt đến Tòa tham gia đối chất và hòa giải với bà Quý nhưng chị Nguyệt vẫn cố tình không đến Tòa làm việc. Mặt khác, trong lời khai của chị Nguyệt cũng có sự mâu thuẫn, nếu chị khai rằng còn nợ tiền lãi một năm của bà Quý thì số tiền lãi phải trả là 405.000.000đ ($33.750.000đ \times 12$ tháng) chứ không phải 150.000.000đ theo như giấy nợ ngày 04/6/2013.

Còn bà Mai Thị Ngọc Quý thì không thừa nhận trước đây có cho chị Nguyệt vay số tiền 750.000.000đ và nhận tiền lãi hàng tháng là 33.750.000đ như lời chị Nguyệt trình bày. Nên HĐXX không có cơ sở để chấp nhận lời khai của chị Cao Thị Minh Nguyệt.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Quy Nhơn;*
- TAND tỉnh Bình Định;*
- Đương sự;*
- Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Xuân Hương